

Bài 3

Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh

TS. Trần Thị Thanh Tú
Khoa Ngân hàng – Tài chính, ĐHKQTĐ

Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân biệt các khái niệm thu nhập và đo lường thu nhập
- Phân tích doanh thu và chi phí
- Các chỉ tiêu tài chính đo lường hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thảo luận và bài tập tình huống

Các khái niệm thu nhập

- Thu nhập kinh tế = dòng tiền + thay đổi TSCĐ ròng -> thay đổi giá trị của cổ đông
- Thu nhập ổn định/ thường xuyên : thu nhập kỳ vọng ổn định/dài hạn
- Thu nhập kế toán = Tổng Doanh thu – Tổng Chi phí

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

- Ph¹ng ph³p C«ng nhËn doanh thu
- Ph¹ng ph³p C«ng nhËn chi phÝ

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

- Ph¹ng ph, p c«ng nhËn doanh thu ngay t¹i thêi ®iÓm b, n húng
- Ph¹ng ph, p c«ng nhËn doanh thu t¹i thêi ®iÓm thu ®íc tiÒn húng (B, n húng tr¶ gãp)

Phân tích hoạt động kinh doanh

- Phương pháp phân tích giá thành doanh thu theo tập đoàn hợp thành : phân tích doanh thu tổng quát cuối cùng khi tất cả các phần việc yêu cầu trong tập đoàn hợp thành(xây dựng)
- Phương pháp tính doanh thu theo thành phẩm: khi cần thiết khi sản phẩm đặc biệt mới phân tích doanh thu(vùng b1c)

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

Ph©n tÝch doanh thu thay ®æi do:

- Lîng hÿng b, n ra t"ng
- Gi, b, n mét ®-n vP s¶n phÈm t"ng
- C¶ gi, b, n vµ s¶n lîng ®Òu t"ng
- Sù t"ng lªn cªnh nh©n tè nÿy h- n h- n sù gi¶m ®i hay æn ®Þnh cªnh nh©n tè kia
- Më réng d©y chuyÒn s¶n xuÊt, ®Çu t d©y chuyÒn s¶n xuÊt míi, th©m nhËp thP trêng míi

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

§o¹n thÞ trêng

- Ph©n tÝch t, c ®éng cña thÞ trêng lín nhÊt
- Lùa chän c, c thÞ trêng môc tiªu: 10% doanh thu

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

- Ph¹ng ph³p C«ng nhËn chi phÝ t¹i thêi ®iÓm tÝnh doanh thu
- Ph¹ng ph³p C«ng nhËn chi phÝ t¸c thêi (Chi phÝ gi³n trùc tiÕp)
- Ph¹ng ph³p C«ng nhËn chi phÝ hÿp lý (KhÊu hao)

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

Quan điểm phân tích??

- Thu nhập không thường xuyên: thu hồi nợ đã xóa
- Các khoản mục điều chỉnh: chênh lệch đánh giá lại tài sản, ví dụ đầu tư chứng khoán
- Các khoản mục bất thường: thiệt hại do cháy nổ

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

- Phân tích thay đổi về kế toán:
 - Thay đổi phương pháp khấu hao
 - Thay đổi phương pháp hạch toán Hàng tồn kho
 - Ví dụ

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

- Trước đây, Hãng Hàng không Delta khấu hao các thiết bị bay trong 15 năm với giá trị còn lại ở mức 10%. Trong quý 4 của năm tài chính vừa qua, Delta đã thay đổi phương pháp tính khấu hao sang cách tính khấu hao thiết bị bay với vòng đời 20 năm và giá trị còn lại là 5%. Sự thay đổi này đã làm hạ chi phí khấu hao của Delta xuống còn 36 triệu Đô la Mỹ trong quý 4 đó, kết quả là, lợi nhuận ròng trong năm tài chính của Delta đã tăng lên tới 22 triệu Đô la Mỹ.

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

- Đầu năm 2008, Công ty thương mại Thành an nhập một lô thép giá 16 triệu/tấn. Giá thép năm 2008 giảm mạnh, xuống còn 8.5 triệu/tấn, nhưng công ty vẫn tiếp tục nhập thêm hàng. Cuối năm 2008, nếu ghi nhận giá trị hàng tồn kho theo phương pháp LIFO, giá vốn hàng bán của công ty giảm so với phương pháp FIFO là 5.3 tỷ. Do vậy, lợi nhuận của công ty vẫn duy trì được ở mức 4.1 tỷ, thay vì lỗ.
- Đến 5/2009, giá thép lại lên đến 14 triệu/tấn, công ty lại chuyển từ LIFO sang FIFO, làm tăng lợi nhuận của công ty lên 2.5 tỷ.

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

- Quan điểm phân tích:

- Chi phí nghiên cứu và triển khai (R&D)

Ví dụ: Thông báo về thu nhập ròng của Tập đoàn CN California cho thấy mức tăng 10%. Bản phân tích hoạt động của bạn chỉ ra rằng mức tăng về thu nhập là do có sự giảm về chi phí R&D. Nếu chi phí R&D bằng năm trước, thu nhập có thể giảm xuống 15%. Đánh giá của bạn về bản thu nhập này?

Ph©n tÝch ho¹t ®éng kinh doanh

- Các chỉ tiêu tài chính phản ánh?
 - Hiệu quả hoạt động của tài sản: hàng tồn kho, khoản phải thu, khoản phải trả
 - Hiệu quả hoạt động tài sản lưu động, tài sản cố định

Bảng cân đối kế toán: tài sản

Tiền	<u>2010</u>	<u>2009</u>
A/R	85,632	7,282
Hàng tồn kho	878,000	632,160
Tổng TSNH	<u>1,716,480</u>	<u>1,287,360</u>
Tổng TSCĐ	2,680,112	1,926,802
Trừ: KH	1,197,160	1,202,950
TSCĐ ròng	<u>380,120</u>	<u>263,160</u>
Tổng TS	<u>817,040</u>	<u>939,790</u>
	<u><u>3,497,152</u></u>	<u><u>2,866,592</u></u>

Công ty D'Leon - Bảng cân đối kế toán: Nợ và VCSH

	2010	2009
Phải trả	<u>436,800</u>	<u>524,160</u>
Vay ngắn hạn	300,000	636,808
CP chờ phân bổ	<u>408,000</u>	<u>489,600</u>
Tổng Nợ NH	1,144,800	1,650,568
Nợ dài hạn	400,000	723,432
Cổ phiếu thường	1,721,176	460,000
Lợi nhuận giữ lại	<u>231,176</u>	<u>32,592</u>
Vốn CSH	<u>1,952,352</u>	<u>492,592</u>
Tổng Nợ & VCSH	<u><u>3,497,152</u></u>	<u><u>2,866,592</u></u>

Báo cáo kết quả kinh doanh

	2010	2009
Doanh thu	<u>7,035,600</u>	<u>6,034,000</u>
Giá vốn hàng bán	5,875,992	5,528,000
Các chi phí khác	<u>550,000</u>	<u>519,988</u>
EBITDA	609,608	(13,988)
Khấu hao	<u>116,960</u>	<u>116,960</u>
EBIT	492,648	(130,948)
Lãi vay	<u>70,008</u>	<u>136,012</u>
EBT	422,640	(266,960)
Thuế	<u>169,056</u>	<u>(106,784)</u>
TN ròng	<u><u>253,584</u></u>	<u><u>(160,176)</u></u>

Tại sao các tỷ số là hữu ích?

- Các tỷ số chuẩn hóa các con số và giúp cho việc so sánh một cách thuận lợi
- Các tỷ số thường được sử dụng để chỉ ra các điểm yếu và thế mạnh.
- So sánh các tỷ số nên thực hiện theo chuỗi thời gian và so sánh với các đối thủ cạnh tranh
 - Phân tích xu thế
 - Phân tích ngành

Phân tích HĐSXKD

- Các chỉ tiêu chính
 - Vòng quay: hàng tồn kho, tài sản cố định, tài sản lưu động, khoản phải thu, khoản phải trả
 - Kỳ thu tiền bình quân (DSO), Kỳ trả tiền bình quân

So sánh vòng quay HTK với TB ngành?

$$\begin{aligned}\text{Vòng quay HTK} &= \text{Doanh thu} / \text{HTK} \\ &= \$7,036 / \$1,716 \\ &= 4.10 \text{ lần}\end{aligned}$$

	2010	2009	2008	TB ngành
Vòng quay HTK	4.1x	4.70x	4.8x	6.1x

Phân tích vòng quay HTK

- Vòng quay HTK thấp hơn TB ngành.
- Chắc hẳn là D'Leon đang có rất nhiều hàng tồn kho ứ đọng hoặc việc kiểm soát HTK quá kém.
- Hiện tại chưa thấy dấu hiệu của việc cải thiện HTK

DSO là số ngày trung bình có thể thu được tiền về sau khi bán hàng

$$\begin{aligned} \text{DSO} &= \text{Phải thu} / \text{Doanh thu bq ngày} \\ &= \text{Phải thu} / (\text{DT năm}/365) \\ &= \$878 / (\$7,036/365) \\ &= 45.6 \text{ ngày} \end{aligned}$$

Nhận xét về DSO

	2010	2009	2008	TB ngành
DSO	45.6	38.2	37.4	32.0

Phân tích kỳ trả tiền bình quân

- Kỳ trả tiền bình quân

=

Khoản phải trả/Giá vốn hàng bán bq ngày

= Khoản phải trả/Gvhb năm/365

Phân tích kỳ trả tiền bình quân

- Kỳ trả tiền bình quân

Năm 2010

$$= 436.8 / (5875.9 / 365)$$

$$= 27.1 \text{ ngày}$$

Năm 2009

$$= 524.2 / (5528 / 365)$$

$$= 34.6 \text{ ngày}$$

Phân tích kỳ trả tiền bình quân

	2010	2009	2008	TB ngành
--	------	------	------	-------------

Kỳ trả tiền	27.1	34.6	38.5	25
-------------	------	------	------	----

Phân tích chính sách tín dụng thương mại

- So sánh kỳ thu tiền bình quân, kỳ trả tiền bình quân?
- Nhận xét về chính sách tín dụng thương mại của công ty?

Vòng quay TSCĐ và Vòng quay Tổng TS

$$\begin{aligned}\text{Vòng quay TSCĐ} &= \text{Doanh thu} / \text{TSCĐ ròng} \\ &= \$7,036 / \$817 = 8.61 \text{ lần}\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Vòng quay Tổng TS} &= \text{Doanh thu} / \text{Tổng TS} \\ &= \$7,036 / \$3,497 = 2.01 \text{ lần}\end{aligned}$$

Phân tích Vòng quay TSCĐ và Vòng quay Tổng TS

	2010	2009	2008	TB ngành
FA TO	8.6x	6.4x	10.0x	7.0x
TA TO	2.0x	2.1x	2.3x	2.6x

Bài tập tình huống

- Tính toán các chỉ tiêu hoạt động
- Thảo luận và phân tích hiệu quả hoạt động